

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 09/QĐ-TCBH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 1 năm 1992

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai bảo hiểm hàng hoá vận chuyển trong lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Căn cứ Nghị định số 155-HĐBT ngày 15-10-1988 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính; Căn cứ Quyết định số 45-QĐTC ngày 2-3-1989 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam tiến hành nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển trong lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY TẮC

BẢO HIỂM HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN TRONG LÃNH THỔ VIỆT NAM

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Quy tắc chung này áp dụng cho việc bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt và đường thuỷ thuộc phạm vi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Quy tắc này còn được vận dụng khi có thoả thuận riêng trong hợp đồng bảo hiểm cho việc bảo hiểm hàng hoá vận chuyển từ Việt Nam đi các nước lân cận và vận chuyển từ nước ngoài về được phép quá cảnh qua Việt Nam để sang các nước lân cận bằng các phương tiện vận tải nói trên.

CHƯƠNG II

PHẠM VI BẢO HIỂM

Điều 3. Trừ những trường hợp quy định loại trừ ở chương III dưới đây, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (gọi tắt là người bảo hiểm) chịu trách nhiệm đối với những mất mát, hư hỏng xảy ra cho hàng hoá được bảo hiểm do hậu quả, trực tiếp của một trong những nguyên nhân sau đây:

1. Cháy hoặc nổ.
2. Động đất, bão lụt, gió lốc, sóng thần và sét đánh.
3. Phương tiện vận chuyển bị đắm, bị lật đổ, bị rơi, mắc cạn, đâm va nhau hoặc đâm va vào vật thể khác hay bị trật bánh.
4. Cây gãy đổ, cầu cống, đường hầm và các công trình kiến trúc khác bị sập đổ.
5. Phương tiện chở hàng mất tích.

Điều 4. Trường hợp xảy ra tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm người bảo hiểm như nói trên, người bảo hiểm còn phải chịu trách nhiệm đối với những chi phí sau đây:

- a. Những chi phí hợp lý do người được bảo hiểm, người làm công hay đại lý của họ đã chi ra nhằm phòng tránh hoặc giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá được bảo hiểm.
- b. Những chi phí hợp lý cho việc dỡ hàng, lưu kho và gửi tiếp hàng hoá được bảo hiểm tại một nơi dọc đường đi do hậu quả của rủi ro thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.
- c. Những chi phí hợp lý cho việc giám định và xác định số tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Điều 5. Trừ khi có thoả thuận khác, người bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm đối với những mất mát, hư hỏng hay chi phí gây ra bởi:

1. Chiến tranh, nội chiến, cách mạng, khởi nghĩa, phản loạn hoặc quần chúng nổi dậy, cướp, mìn, thuỷ lôi, bom hoặc các dụng cụ chiến tranh khác.
2. Hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của phóng xạ hay nhiễm phóng xạ phát sinh từ việc sử dụng năng lượng nguyên tử, hạt nhân và hoặc phản ứng hạt nhân, phóng xạ tương tự.
3. Hành động xấu, cố ý hay hành vi phạm pháp của người được bảo hiểm hay người làm công cho họ.
4. Những mất mát, hư hỏng hay chi phí do khuyết tật vốn có hoặc do tính chất đặc thù của loại hàng hoá được bảo hiểm.
5. Xếp hàng quá tải hoặc sai quy cách an toàn về hàng hoá nguy hiểm.
6. Đóng gói sai quy cách, bao bì không thích hợp hoặc hàng bị hỏng từ trước khi xếp lên phương tiện vận chuyển.

7. Rò chảy thông thường, hao hụt trọng lượng hay giảm thể tích thông thường của hàng hoá được bảo hiểm trong quá trình vận chuyển.
8. Phương tiện vận chuyển không đủ khả năng lưu hành, không đảm bảo an toàn giao thông.
9. Những mất mát, hư hỏng hay chi phí có nguyên nhân trực tiếp do chậm trễ, dù chậm trễ đó do một rủi ro được bảo hiểm.

CHƯƠNG IV

BẮT ĐẦU VÀ KẾT THÚC TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

Điều 6. Trách nhiệm bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực từ khi hàng hoá được bảo hiểm được xếp lên phương tiện chuyên chở tại địa điểm xuất phát ghi trong hợp đồng bảo hiểm để bắt đầu vận chuyển, tiếp tục có hiệu lực trong suốt quá trình vận chuyển bình thường và kết thúc vào lúc hàng hoá được dỡ khỏi phương tiện chuyên chở tại nơi đến ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

Điều 7. Trong quá trình vận chuyển nói trên nếu vì những sự cố nói ở Điều 3 mà hàng hoá bắt buộc phải chuyển tải hoặc thay đổi hành trình thì bảo hiểm này vẫn giữ nguyên hiệu lực với điều kiện người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho người bảo hiểm biết về việc xảy ra hoặc thay đổi đó và phải trả thêm phí bảo hiểm trong trường hợp cần thiết.

CHƯƠNG V

THỦ TỤC BẢO HIỂM, SỐ TIỀN BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ BẢO HIỂM

Điều 8.

1. Khi có nhu cầu bảo hiểm, người có nhu cầu phải làm giấy yêu cầu trong đó ghi rõ:
 - a. Tên người được bảo hiểm.
 - b. Tên hàng hoá, loại bao bì, cách đóng gói và ký mã hiệu của hàng hoá được bảo hiểm.
 - c. Trọng lượng, số lượng hàng hoá và giá trị hàng hoá được bảo hiểm.
 - d. Hành trình vận chuyển (nơi đi - nơi đến và nơi chuyển tải nếu có).
 - đ. Tên chủ phương tiện, loại phương tiện và số đăng ký của các phương tiện vận tải đó.
 - e. Ngày, tháng phương tiện vận chuyển khởi hành và dự kiến ngày đến.
2. Người bảo hiểm sẽ căn cứ vào giấy yêu cầu bảo hiểm để cấp "Giấy chứng nhận bảo hiểm".
3. Người được bảo hiểm phải thanh toán phí bảo hiểm cho người bảo hiểm ngay khi nhận được giấy chứng nhận bảo hiểm. Bảo hiểm chỉ có hiệu lực khi đã nộp phí bảo hiểm.
4. Nếu sau khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết mà có bất kỳ thay đổi nào về những thông tin đã cung cấp liên quan đến lô hàng hoá được bảo hiểm thì người được bảo hiểm có trách nhiệm thông báo cho người

bảo hiểm biết ngay khi họ được biết sự thay đổi đó.

Khi nhận được thông báo này, người bảo hiểm sẽ cấp giấy sửa đổi bổ sung và có thể yêu cầu người được bảo hiểm trả thêm phí bảo hiểm.

Điều 9. Nếu người được bảo hiểm khai báo sai hoặc giấu giếm những điểm đề ra trong giấy yêu cầu bảo hiểm hay những sự việc thay đổi sẽ được thông báo cho người bảo hiểm, thì người bảo hiểm được miễn trách nhiệm đã quy định trong hợp đồng bảo hiểm mà vẫn có quyền nhận phí bảo hiểm.

Điều 10. Giấy chứng nhận bảo hiểm có thể được chuyển nhượng cho một người khác sau khi người được bảo hiểm hay đại diện có thẩm quyền của họ ký ở mặt sau giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 11. Số tiền bảo hiểm của hàng hoá được bảo hiểm phải là giá trị của hàng hoá do người được bảo hiểm kê khai và được người bảo hiểm chấp nhận.

Nếu người được bảo hiểm không khai báo được số tiền bảo hiểm thì có thể áp dụng cách tính giá trị bảo hiểm như sau: Giá trị bảo hiểm bao gồm giá tiền hàng ghi trên hoá đơn cộng chi phí vận chuyển và phí bảo hiểm.

Trừ khi có thoả thuận khác, trong số tiền khai báo, người được bảo hiểm có thể tính gộp cả tiền lãi ước tính. Tuy nhiên tiền lãi này không được vượt quá 10% giá trị bảo hiểm.

CHƯƠNG VI

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

KHI XẢY RA TỖN THẤT

Điều 12. Trường hợp xảy ra tổn thất cho hàng hoá thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm như trong Điều 3, người được bảo hiểm hay người làm công cho họ hoặc đại diện của họ phải:

- Khai báo ngay với cơ quan chức trách địa phương để xử lý và lập biên bản theo luật lệ hiện hành.
- Thông báo ngay cho người bảo hiểm hay đại diện của họ tại địa phương gần nhất đến giám định trong thời gian sớm nhất.
- Phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để cứu chữa và bảo quản hàng hoá nhằm hạn chế tổn thất.
- Làm các thủ tục cần thiết để bảo lưu quyền đòi bồi thường đối với người chuyên chở hay người thứ ba khác có trách nhiệm đối với tổn thất, mất mát hàng hoá trong tai nạn ấy.

Người bảo hiểm có quyền từ chối giải quyết bồi thường một phần hay toàn bộ tổn thất nếu người được bảo hiểm không thi hành đầy đủ những nghĩa vụ trên.

Điều 13. Khi khiếu nại người bảo hiểm về những mất mát hư hỏng thuộc trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, người được bảo hiểm cần nộp đủ những giấy tờ chứng minh:

- Bản chính "Giấy chứng nhận bảo hiểm".